

Số: **48/2020/DS-ST**

Ngày 07/09/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Trình.**

2. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Anh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 và 07 tháng 09 năm 2020 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Chu Nhân O, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn YB, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

+ Bị đơn: Anh Đỗ Văn B (tên gọi khác: K), sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn CĐ, xã CĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

+ Bà Chu Thị X, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn YB, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

+ Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm N, thị trấn CS, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

+ Công ty cổ phần G Việt Nam

Trụ sở: xã NC, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Địa chỉ giao dịch: Lô E, KCN Đồng Văn II, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Ch

+ Người làm chứng: Anh Hoàng Văn Ph, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn PC, xã PP, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(Anh O, anh B, ông T có mặt; anh Q, bà X, ông Ch, anh Ph xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hoà giải anh Chu Nhân O trình bày: anh O là người trực tiếp nuôi trồng thủy sản tại xã VL, huyện Ba Vì, anh có mua cám của Công ty G Việt Nam để sử dụng và bán lại cho người chăn nuôi khác khi họ có nhu cầu. Đến cuối năm 2018, thông qua anh Q là nhân viên phát triển thị trường của công ty G Việt Nam anh O biết anh Đỗ Văn B. Anh B có nhu cầu mua cám về chăn nuôi nên Công ty cám đã xuất cám cho anh B thông qua mã khách hàng anh O đăng ký bảo đảm, công ty sẽ trừ tiền giá trị hàng hóa trên mã khách hàng của anh O và khi giao xong hàng cho anh B thì anh B sẽ là người trực tiếp trả tiền hàng cho anh O. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến tháng 4/2019, anh B mua cám của công ty G Việt Nam nhiều lần và đã thanh toán sòng phẳng. Tuy nhiên trong hai lần giao dịch nhận hàng vào ngày 09/4/2019 và ngày 16/4/2019, anh B hẹn thanh toán sau vài ngày nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền hàng cho anh O. Cụ thể hai lần giao dịch đó như sau:

+ Chiều ngày 09/4/2019 anh Chu Nhân O có thuê lái xe là Hoàng Văn Ph đến công ty cám lấy hàng giao lại cho anh Đỗ Văn B, số lượng 177 bao cám nhãn hiệu G, mã sản phẩm C61360V1G025 dùng nuôi cá rô phi loại 6li, trọng lượng 25Kg/1 bao (giá 310.000đ/bao) và 20 bao cám nhãn hiệu G, mã sản phẩm C61160V1B525 dùng nuôi cá rô phi loại 1.5li, trọng lượng 25kg/bao (giá 370.000đ/bao). Trong ngày hôm đó, công ty giao lại cho anh O phiếu xuất kho, hóa đơn thanh toán đối với số lượng cám mà mã khách hàng là của anh O phải thanh toán trong ngày 09/4/2019. Tổng giá trị tiền cám ngày 09/4/2019 là: 62.270.000đ

+ Chiều ngày 16/4/2019 anh Chu Nhân O có thuê lái xe là Hoàng Văn Ph đến công ty cám lấy hàng giao lại cho anh Đỗ Văn B, số lượng 150 bao cám nhãn hiệu G, mã sản phẩm C61360V1G025 dùng nuôi cá rô phi loại 6li, trọng lượng 25Kg/1 bao (giá 310.000đ) và 50 bao cám nhãn hiệu G, mã sản phẩm

C61160V1D025 dùng nuôi cá rô phi loại 3li, trọng lượng 25kg/bao (giá 370.000đ). Trong ngày hôm đó, công ty giao lại cho anh O phiếu xuất kho, hóa đơn thanh toán đối với số lượng cám mà mã khách hàng là của anh O phải thanh toán trong ngày 16/4/2019. Tổng giá trị tiền cám ngày 16/4/2019 là: 65.000.000đ.

Anh Chu Nhân O đã thanh toán toàn bộ số tiền 127.270.000đ cho Công ty cổ phần G Việt Nam. Thời gian sau đó, anh B nói anh vẫn chưa có tiền trả, đợi anh bán cá và khát nợ bằng lời nói, đến tháng 5/2019 anh B thu cá, anh O đến thu tiền hàng thì anh B nói không trả tiền cho anh O với lý do cám không đảm bảo chất lượng. Nay anh Chu Nhân O đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết buộc anh Đỗ Văn B phải thanh toán cho anh O giá trị hai lần nhận cám ngày 09/4/2019 và ngày 16/4/2019 với tổng số tiền là 127.270.000đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền gốc. Về số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc anh O không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời, biên bản đối chất và biên bản hoà giải anh Đỗ Văn B (tức Kiên) trình bày: anh B là người trực tiếp nuôi trồng thủy sản ở thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, Hà Nội. Anh B không nhớ chính xác vào ngày tháng nào, nhưng khoảng đầu năm 2019, anh Chu Nhân O và nhân viên maketing của hãng cám G có đến chào hàng anh dùng cám của hãng G để nuôi cá. Thời điểm đó, anh B đang dùng sản phẩm cám nhãn hiệu CJ. Sau khi nghe anh O và anh Q (nhân viên maketing) thuyết phục, anh B đã chuyển sang dùng cám của hãng G cho đợt chăn nuôi từ đầu năm 2019, tổng diện tích 5,5 ha con giống từ cá hương gồm các loại rô phi, các trắm bắt đầu từ 1.2 đến 1,5 kg; các mè 0,5 kg; cá chép từ 40 con/cân. Tổng trọng lượng cám trong kỳ chăn nuôi khoảng 64 đến 67 tấn cám 6136. Thời gian nuôi đến 6 tháng. Khi xuất cá = 28 tấn. Ít hơn so với cam kết ban đầu của hãng cám về trọng lượng cám bỏ ra và trọng lượng cá thu về khoảng 7 đến 8 tấn cá, ít hơn so với các hãng cám khác và các đợt chăn nuôi khác là 8 tấn cá. Trong thời gian dùng cám G chăn nuôi, anh B đều nhận hàng qua đại lý của anh Chu Nhân O, anh O trực tiếp theo xe hàng giao bốc xếp vào kho nhà anh tại thôn MT và nhận tiền thanh toán của anh B. Các lần giao hàng trước, anh B đều thanh toán trả tiền ngay cho anh O. Sau đó anh B nhận thấy sử dụng cám anh O cung cấp cá lớn chậm, càng sau càng thấy cá còi hơn. Do vậy hai lần giao hàng sau của anh O vào ngày 09/4 và ngày 16/4/2019 anh B chủ động không trả tiền ngay cho anh O với số tiền là 127.270.000đ, để buộc anh O đến nhà nói rõ về chất lượng cám anh O cung cấp cho anh B chăn nuôi là cám giả, không phải cám của G. Anh O đổ lỗi cám anh chuyển thẳng từ nhà máy về giao cho anh B. Hai bên thống nhất kéo dài thời gian nuôi thêm 1 tháng, tuy nhiên đến tháng 5/ 2019 cá vẫn không đủ tiêu chuẩn xuất hàng, anh đã liên lạc để anh O và nhân viên hàng cám đến xem xét chất lượng cá, lúc đầu anh O và nhân viên hãng cám có đến xem 2 hoặc 3 lần đều thừa nhận cá không thể lớn, không đạt. Khi anh B xuất bán cá, có thông báo để anh O và nhân viên hãng cám chứng kiến chất lượng nhưng cả hai đều không tham gia. Hiện nay anh B vẫn còn lưu giữ 05 bao cám 6136 tại nhà. Ngày 17/4/2019 tại trại nuôi cá

của anh Đỗ Văn B ở thôn MT, xã VT, thành phần 4 người gồm anh B, chú anh B là ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1958 trú tại thôn CĐ, xã CĐ, Ba Vì, Hà Nội, Anh Q nhân viên của hãng cám và anh O cùng bàn bạc giải quyết chất lượng cám, nội dung bàn bạc này anh B có ghi âm và hứa sẽ cung cấp cho Tòa án. Anh B xác nhận hai lần nhận hàng sau của anh O thì anh B chưa trả tiền. Tổng trọng lượng và giá trị hàng hóa anh B không nhớ chính xác nhưng theo anh O ghi chép là đúng. Theo anh Đỗ Văn B giá trị tiền hàng cám còn nợ của anh Chu Nhân O là 100.000.000đ, còn số tiền 27.270.000đ là tiền cám của ông Nguyễn Văn T. Quan điểm của anh B về việc anh O khởi kiện, anh không nhất trí trả tiền hàng hóa cho anh O bởi hàng hóa anh O cung cấp là hàng giả G, không đúng chất lượng gây thiệt hại cho anh trong việc chăn nuôi. Trước đây anh B có yêu cầu anh Chu Nhân O bồi thường thiệt hại giá trị 7 tấn cá x 45.000.000đ/tấn = 315.000.000 đồng và yêu cầu anh O xin lỗi tôi trước UBND xã VT vì việc anh O đã sai còn kiện anh B trước Tòa, nhưng nay anh B rút yêu cầu và không yêu cầu bồi thường trong vụ án này.

Tại biên bản đối chất và biên bản hòa giải Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là chú của anh Đỗ Văn B, ông thừa nhận lời trình bày của anh B là đúng. Ông T xác định tiền giá trị hàng giao vào kho nhà ông chưa thanh toán cho anh Chu Nhân O như anh B xác định là đúng. Mặc dù số lượng cám ông T và anh B sử dụng là khác nhau nhưng cả hai cùng chịu trách nhiệm liên đới chung về việc giải quyết số tiền cám còn chưa trả cho ông O 127.270.000đ. Anh B mua bán với anh O, mọi thỏa thuận, giá cả, chiết khấu, vận chuyển, anh O luôn theo sát xe từ vận chuyển, giao hàng và nhận tiền. Công ty G không làm cám giả, chỉ có đại lý của anh O giao hàng giả cho anh B và ông T sử dụng. Nay quan điểm của ông T là không đồng ý trả tiền cám cho anh O vì anh O bán cám giả cho ông và anh B.

Tại bản tự khai của ông Trần Ngọc Chí, đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần G Việt Nam trình bày: Ông Chu Nhân O có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số HNM0619/GF2018 với Công ty cổ phần G Việt Nam – chi nhánh Hà Nam vào ngày 22/9/2018. Theo đó, ông Chu Nhân O là bên mua các loại thức ăn chăn nuôi (nhãn hiệu HiGain, G, AquaGreen, Super White và PanaFeed) và các sản phẩm thú y của công ty. Công ty có hai đợt giao hàng cho ông O như sau:

-Đợt 1: Ngày 09/4/2019 Công ty có bán hàng cho ông O theo đơn đặt hàng số 0090916. Theo đó, ông O mua của công ty tổng khối lượng hàng hóa là 270 bao thức ăn thủy sản loại dành cho cá rô phi. Sau khi nhận được đơn đặt hàng của ông O, công ty tiến hành kiểm tra số lượng và chất lượng hàng hóa ở kho trước khi vận chuyển đến địa chỉ ông O. Số hàng hóa được xuất khỏi kho của công ty lúc 08 giờ 07 phút ngày 09/4/2019 theo phiếu xuất kho số 0172937 và vận chuyển đến địa chỉ Đội 1, thôn YB, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Đại diện phía ông O có ký tên xác nhận.

- Đợt 2: Ngày 16/4/2019, Công ty bán hàng cho ông O theo đơn đặt hàng số 0091386. Theo đơn đặt hàng này, ông O đặt mua của công ty tổng cộng 295 bao

thức ăn thủy sản loại dành cho cá rô phi. Số hàng hóa này được xuất khỏi kho của Công ty lúc 11 giờ 25 phút ngày 16/4/2019 theo phiếu xuất kho số 0173386 và vận chuyển đến địa điểm đội 1, thôn YB, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Đại diện phía ông O có ký tên xác nhận.

Ông Chu Nhân O đã hoàn tất việc thanh toán tiền hàng cho công ty và giữa hai bên không còn tồn đọng bất cứ nghĩa vụ gì theo các đơn đặt hàng nêu trên. Ông Chu Nhân O cũng không có bất cứ khiếu nại gì liên quan đến chất lượng hàng hóa của công ty. Nay ông Chu Nhân O khởi kiện ông Đỗ Văn B, quan điểm của Công ty cổ phần G Việt Nam là: Đây là tranh chấp giữa nguyên đơn Chu Nhân O và bị đơn Đỗ Văn B liên quan đến việc thanh toán tiền hàng giữa các bên, không liên quan đến công ty. Công ty chỉ giao dịch và ký hợp đồng mua bán hàng hóa số HNM0619/GF2018 với ông Chu Nhân O, hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ đối ứng và không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hợp đồng.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Hữu Q trình bày: Anh là giám sát tư vấn kỹ thuật thương mại vùng Thủy sản Nam Sông Hồng của công ty cổ phần G Việt Nam, việc quan hệ quen biết với anh Chu Nhân O là quan hệ người bán hàng với chủ phân phối từ năm 2014 đến 10/2019, với chức vụ đại diện thương mại của Công ty, anh Q có cùng anh O giới thiệu cá cho anh Đỗ Văn B. Các chuyển hàng sau đều do anh O và anh B tự giao dịch về số lượng và thời gian giao hàng. Nguồn hàng lấy tại Công ty cổ phần G chi nhánh Hà Nam giao cho đại lý anh O. Việc thanh toán giữa anh O và anh B là do hai bên tự giao dịch anh Q không nắm được. Việc anh O khởi kiện anh B không thanh toán tiền hàng cá là tranh chấp riêng giữa hai bên, anh Q không có quan điểm và yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai bà Chu Thị X trình bày: Bà là vợ của ông Chu Nhân O, bà có biết anh Đỗ Văn B có nhu cầu mua cá cho cá và đã liên lạc với ông O để ông O liên lạc với công ty cá. Tiền cá phải trả cho Công ty sẽ do ông O thanh toán, sau đó ông B có trách nhiệm trả tiền cho ông O. Bà không biết cụ thể ngày, giờ, số lượng hàng hóa giao dịch giữa ông O và ông B, chỉ biết là hiện nay ông B còn nợ lại ông O số tiền 127.270.000đ là tiền mua cá thức ăn cho cá. Vì đây là công việc làm ăn riêng của chồng bà, bà không có quyền hay nghĩa vụ gì liên quan đến tranh chấp giữa ông O và ông B, bà xin được vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay anh Chu Nhân O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đỗ Văn B và ông Nguyễn Văn T thừa nhận có nợ tiền cá của anh Chu Nhân O số tiền 127.270.000đ, nhưng anh B, ông T cho rằng cá không đảm chất lượng nên không đồng ý trả tiền cho anh O. Trong số tiền trên thì có ông Nguyễn Văn T nợ số tiền 77.000.000đ, anh Đỗ Văn B nợ số tiền 50.270.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử:

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự;

+ Quan điểm đề xuất giải quyết vụ án: đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Nhân O, buộc ông Đỗ Văn B (tức Kiên) có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ông Chu Nhân O số tiền 127.270.000đ là tiền gốc mua cám chưa thanh toán. Đối với số tiền lãi trên dư nợ gốc, ông O không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: ông Đỗ Văn B (tức Kiên) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là ông Chu Nhân O, có địa chỉ: Thôn YB, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và bị đơn là ông Đỗ Văn B (tức Kiên), có địa chỉ: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 .

Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tiến hành tố tụng nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có mặt khi Tòa án triệu tập, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có ủy quyền tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc xét xử vụ án khách quan, đúng pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng cám. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”

Về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn là ông Chu Nhân O và ông Đỗ Văn B cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định:

-*Về hình thức và nội dung của giao dịch dân sự:* ông Đỗ Văn B mua sản phẩm cám của Công ty cổ phần Greefeed Việt Nam thông qua mã khách hàng của ông Chu Nhân O, ký bảo đảm, công ty sẽ trừ tiền giá trị hàng hóa trên mã khách hàng của ông O. Ông O chịu trách nhiệm về việc giao đủ số lượng cám khi ông B yêu cầu và trả đủ tiền hàng cho công ty cổ phần Greefeed Việt Nam, ông Đỗ Văn B sau khi nhận đủ số lượng hàng thì có nghĩa vụ trả tiền trực tiếp cho ông Chu Nhân O. Các bên tự nguyện thỏa thuận dưới hình thức hợp đồng miệng, không có hợp đồng bằng văn bản. Đây là hợp đồng giao dịch dân sự không có bảo đảm. Hợp đồng này được hai bên giao kết trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông

Chu Nhân O đã giao đúng về số lượng và chủng loại cám như yêu cầu của ông Đỗ Văn B vào các ngày 09/4/2019 và 16/4/2019 và thanh toán đủ tiền cho Công ty cổ phần G Việt Nam, việc ông B thừa nhận đã nhận đủ số cám và chủng loại cám ghi trên bao bì vào các ngày 09/4/2019 và 16/4/2019 từ đại lý của ông O, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và người làm chứng anh Hoàng Anh Ph cũng có lời khai phù hợp với các tình tiết, sự kiện như nguyên đơn, bị đơn cung cấp. Vì vậy, xác định giữa ông Chu Nhân O và ông Đỗ Văn B có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa vào các ngày 09/4/2019 và 16/4/2019, tổng giá trị tiền hàng cám là : 127.270.000đ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao kết theo hợp đồng mua bán hàng hóa là hợp pháp và đảm bảo về mặt hình thức. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Tuy nhiên, ông Đỗ Văn B lấy lý do chất lượng hàng hóa không đảm bảo nên bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng. Nay ông Chu Nhân O yêu cầu: ông Đỗ Văn B phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ gốc tiền giá trị hàng hóa là có cơ sở và đúng pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành đối chất giữa các đương sự, tại phiên đối chất ông Đỗ Văn B, ông Nguyễn Văn T đều không xuất trình được các chứng cứ chứng minh chất lượng cám ông O giao cho ông B không đảm bảo, ảnh hưởng tới năng suất cá, bị đơn và người liên quan đều không có yêu cầu ông Chu Nhân O bồi thường, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm liên đới: Tại hồ sơ và tại phiên tòa ông Đỗ Văn B và ông Nguyễn Văn T đều cho rằng số dư nợ 127.270.000đ tiền cám của ông Chu Nhân O, lời khai tại tòa thì anh B và ông T cho rằng trong đó anh Đỗ Văn B có nợ 100.000.000đ, còn ông Nguyễn Văn T nợ số tiền 27.270.000đ, nhưng tại phiên tòa anh B và ông T cho rằng trong đó anh Đỗ Văn B có nợ 52.700.000đ, còn ông Nguyễn Văn T nợ số tiền 77.000.000đ nên ông Đỗ Văn B và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới đối với dư nợ của ông Chu Nhân O. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T cũng thừa nhận các lần trả tiền cám ông đều trả cho anh B và anh B có trách nhiệm trả cho anh O, tuy nhiên ông Chu Nhân O chỉ giao dịch với ông Đỗ Văn B và không có yêu cầu đối với ông Nguyễn Văn T. Các đương sự không xuất trình chứng cứ chứng minh giao dịch giữa ông Chu Nhân O và ông Nguyễn Văn T. Do đó, không xác định trách nhiệm liên đới trả nợ giữa ông Đỗ Văn B và ông Nguyễn Văn T mà quy trách nhiệm trả nợ đối với ông Đỗ Văn B là đúng pháp luật.

Như vậy, cần áp dụng quy định tại Điều 351, 357, 430; 440 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Nhân O, cần buộc ông Đỗ Văn B (tức Kiên) phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Chu Nhân O số tiền gốc chưa thanh toán là 127.270.000đ. Ông Chu Nhân O không yêu cầu lãi suất do chậm trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điều 26 và khoản 2 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội thì ông Đỗ Văn B (tức Kiên) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.363.500 đ (Sáu triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng). Ông Chu Nhân O đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.181.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 0009748 ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, nay hoàn trả cho ông Chu Nhân O số tiền: 3.181.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 351, 357, 430; 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 18; Khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Nhân O

Buộc ông Đỗ Văn B (tức Kiên) phải có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông Chu Nhân O tổng số tiền gốc là: **127.270.000đ** (*Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: ông Đỗ Văn B (tức K) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.363.500 đ (Sáu triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng). Ông Chu Nhân O đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.181.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 0009748 ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, nay hoàn trả cho ông Chu Nhân O số tiền: 3.181.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) .

Về quyền kháng cáo: Ông Chu Nhân O, ông Đỗ Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T, ông Trần Ngọc Ch, Nguyễn Hữu Q, bà Chu Thị X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Ba Vì
- Chi cục THADS huyện Ba Vì
- Ủy ban nhân dân xã VT
- Các đương sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Thu Hương